

Số: 56^a/QĐ-UBND

Độc Lập, ngày 11 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỘC LẬP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 3027 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34 /NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Độc Lập khóa XX kỳ họp thứ 6 nhiệm kỳ 2021 - 2026 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của Tài chính - Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của xã Độc Lập.

(theo các biểu 113, 114, 115 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Độc Lập, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC - KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- MTTQ, ĐTN, HPN, HND, HCCB;
- 10 Trường xóm;
- Lưu: Vp, TC - KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thi

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.355.007.113	2.677.734.927	50,00
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	16.400.000	5.408.453	32,98
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	20.534.000	9.089.920	44,27
3	Thu bổ sung	5.318.073.113	2.663.236.554	50,08
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.318.073.113	2.663.236.554	50,08
	- Bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	5.238.748.713	2.077.240.914	39,65
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	5.148.748.713	2.077.240.914	40,34
3	Dự phòng	90.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX
A		1	2		3	4		5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu								
I	Các khoản thu 100%	5.355.007.113	5.355.007.113			2.677.734.927			50,00
1	Phí, lệ phí	16.400.000	16.400.000			5.408.453			32,98
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	16.400.000	16.400.000			5.408.000			32,98
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định					453			
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác								
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	20.534.000	20.534.000			9.089.920			44,27
1	Các khoản thu phân chia	5.000.000	5.000.000			2.519.920			50,40
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh								
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	5.000.000	5.000.000			1.500.000			
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	15.534.000	15.534.000			1.019.920			20,40
2.1	Thu tiền sử dụng đất					6.570.000			42,29
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước								
2.3	Thuế tài nguyên								
2.4	Thuế giá trị gia tăng	10.356.000	10.356.000			4.380.000			42,29
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	5.178.000	5.178.000			2.190.000			42,29
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt								
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn								
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.318.073.113	5.318.073.113		2.663.236.554		50,08
1	Thu bổ sung cân đối	5.318.073.113	5.318.073.113		2.663.236.554		50,08
2	Thu bổ sung có mục tiêu						



